

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp  
Sài Gòn**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2015

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định số** 3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004  
3449/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy phép Kinh doanh** 4103002955 ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là bởi giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 26 tháng 1 năm 2015. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Chủ tịch (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Bà Nguyễn Việt Hòa	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Đoàn Văn Quang	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Đức Trọng	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Lương Quang Hiến	Thành viên
Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Võ Hiến	Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Tề Trí Dũng	Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)
Ông Lê Hùng	Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2015)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Mai Việt Hà	Tổng Giám đốc (từ ngày 19 tháng 1 năm 2015)
Ông Nguyễn Bình Minh	Tổng Giám đốc (đến ngày 19 tháng 1 năm 2015)
Ông Võ Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Bình	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 4 tháng 4 năm 2015)
Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 19 tháng 1 năm 2015)
Ông Mai Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 19 tháng 1 năm 2015)

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Nguyễn Trường Bảo Khánh	Trưởng ban (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
	Bà Nguyễn Việt Hòa	Trưởng ban (đến ngày 4 tháng 4 năm 2015)
	Ông Nguyễn Thái Hòa	Thành viên
	Ông Trần Huy Dũng	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2015)
	Ông Nguyễn Công Bình	Thành viên (đến ngày 4 tháng 4 năm 2015)
<b>Trụ sở đăng ký</b>	68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 70 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Mai Việt Hà  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2015

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến 70. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do đó công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo soát xét số: 15-01-378



**Trần Thị Ngọc Hào**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0866-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

**Nguyễn Cẩm Tú**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2193-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2015

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến 70. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do đó công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo tài chính giữa niên độ*, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo soát xét số: 15-01-378

---

Lâm Thị Ngọc Hào  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0866-2013-007-1  
*Phó Tổng Giám đốc*

---

Nguyễn Cẩm Tú  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2193-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2015

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Phân loại lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>118.252.135.855</b>	<b>135.846.105.916</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>35.616.134.444</b>	<b>46.270.712.230</b>
Tiền	111		5.616.134.444	7.270.712.230
Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	39.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7(a)</b>	<b>42.710.266.000</b>	<b>47.805.076.136</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		57.810.700.490	63.588.156.490
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(15.100.434.490)	(15.783.080.354)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.406.973.701</b>	<b>20.223.309.364</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	3.154.658.930	3.164.580.493
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.344.437.081	1.758.913.006
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	9.907.877.690	15.299.815.865
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>22.570.379.395</b>	<b>20.774.995.892</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>948.382.315</b>	<b>772.012.294</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		927.081.383	427.059.160
Thuế phải thu Nhà nước	153		21.300.932	344.953.134

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Phân loại lại</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.172.781.294.727</b>	<b>1.156.471.166.539</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>192.852.497.359</b>	<b>195.852.497.359</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		74.000.000.000	77.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	118.852.497.359	118.852.497.359
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>52.258.825.896</b>	<b>52.855.113.734</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.855.773.913	3.059.124.031
<i>Nguyên giá</i>	222		11.655.516.370	11.501.897.061
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.799.742.457)	(8.442.773.030)
Tài sản cố định vô hình	227	12	49.403.051.983	49.795.989.703
<i>Nguyên giá</i>	228		54.371.011.809	54.371.011.809
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.967.959.826)	(4.575.022.106)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>173.889.528.471</b>	<b>172.665.657.525</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		218.505.619.729	225.388.783.099
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(44.616.091.258)	(52.723.125.574)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>357.402.859.890</b>	<b>344.021.953.708</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	357.402.859.890	344.021.953.708
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>7(b)</b>	<b>393.793.971.543</b>	<b>388.492.332.645</b>
Đầu tư vào công ty con	251		259.490.506.814	260.884.906.814
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		57.358.709.000	57.358.709.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		90.650.000.000	82.850.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(13.705.244.271)	(12.601.283.169)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.583.611.568</b>	<b>2.583.611.568</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.583.611.568	2.583.611.568
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.291.033.430.582</b>	<b>1.292.317.272.455</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Phân loại lại</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>632.803.328.805</b>	<b>629.546.778.991</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>484.886.080.962</b>	<b>364.050.078.788</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	2.698.571.665	6.798.914.377
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	56.551.461.146	10.549.668.850
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	11.348.584.215	12.703.917.195
Phải trả người lao động	314		21.945.160.966	25.728.914.439
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	10.034.158.469	9.473.933.109
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19(a)	1.718.060.610	1.393.350.004
Phải trả ngắn hạn khác	319	20(a)	338.479.857.875	274.300.048.742
Vay ngắn hạn	320	21(a)	38.491.310.640	18.123.418.970
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	3.618.915.376	4.977.913.102
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>147.917.247.843</b>	<b>265.496.700.203</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19(b)	51.443.333.302	52.053.333.304
Phải trả dài hạn khác	337	20(b)	84.735.664.651	118.097.470.509
Vay dài hạn	338	21(b)	11.738.249.890	95.345.896.390

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Phân loại lại
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>658.230.101.777</b>	<b>662.770.493.464</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>658.230.101.777</b>	<b>662.770.493.464</b>
Vốn cổ phần	411	24	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	415	23	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	26	24.938.303.806	24.938.303.806
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		66.961.684.026	71.502.075.713
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		39.811.077.785	37.253.490.360
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		27.150.606.241	34.248.585.353
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.291.033.430.582</b>	<b>1.292.317.272.455</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Ngô Văn Danh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Minh Việt Hà  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 02a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	50.391.352.727	104.616.453.178
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	-	(46.720.180)
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 02)</b>	<b>10</b>	<b>28</b>	<b>50.391.352.727</b>	<b>104.569.732.998</b>
Giá vốn hàng bán	11	29	(25.466.508.605)	(70.683.908.666)
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)</b>	<b>20</b>		<b>24.924.844.122</b>	<b>33.885.824.332</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	23.345.295.287	17.300.407.535
Chi phí tài chính	22	31	(3.502.941.774)	(7.104.530.776)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(3.042.132.936)	(6.972.899.755)
Chi phí bán hàng	25		(720.919.498)	(299.376.646)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	(12.043.754.755)	(11.554.301.285)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 25 + 26)</b>	<b>30</b>		<b>32.002.523.382</b>	<b>32.228.023.160</b>
Thu nhập khác	31	33	450.936.131	7.079.634.807
Chi phí khác	32	34	(2.013.209.673)	(16.760.223.403)
<b>Lỗ khác (40 = 31 + 32)</b>	<b>40</b>		<b>(1.562.273.542)</b>	<b>(9.680.588.596)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 02a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		30.440.249.840	22.547.434.564
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	(3.289.643.599)	(6.792.525.872)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		27.150.606.241	15.754.908.692

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Ngô Văn Danh  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà  
 Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>30.440.249.840</b>	<b>22.547.434.564</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		3.802.862.809	3.973.029.733
Các khoản dự phòng	03		421.315.238	(901.399.610)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý đầu tư vào công ty con và công ty liên kết	05		(990.000.000)	805.800.017
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(20.263.365.287)	(17.089.969.535)
Chi phí lãi vay	06		3.042.132.936	6.972.899.755
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>16.453.195.536</b>	<b>16.307.794.924</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(2.024.455.191)	84.204.650.753
Biến động hàng tồn kho	10		9.982.434.388	54.925.078.855
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		30.583.980.935	(64.486.112.091)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		5.777.456.000	913.980.000
			<b>60.772.611.668</b>	<b>91.865.392.441</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(4.054.728.180)	(15.102.960.319)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.817.067.950)	(6.435.396.929)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.931.957.987)	(3.691.534.675)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>51.968.857.551</b>	<b>66.635.500.518</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(22.895.866.627)	(12.881.755.159)
Tiền chi cho các khoản vay	23		(4.350.000.000)	(15.000.000.000)
Tiền thu từ các khoản vay	24		13.800.000.000	17.337.843.125
Tiền thu từ thanh lý đầu tư vào công ty con và công ty liên kết			5.390.000.000	11.140.500.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(10.805.600.000)	(19.547.300.550)
Tiền thu hồi từ đầu tư vào một công ty liên kết	26		-	174.199.983
Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi	27		19.477.786.120	12.746.470.997
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>616.319.493</b>	<b>(6.030.041.604)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		581.574.640	101.923.069.929
Tiền trả nợ gốc vay	34		(63.821.329.470)	(179.041.976.977)
Tiền trả cổ tức	36		-	(520.333.050)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(63.239.754.830)</b>	<b>(77.639.240.098)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015  
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(10.654.577.786)	(17.033.781.184)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		46.270.712.230	24.515.494.949
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	6	35.616.134.444	7.481.713.765

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Ngô Văn Danh  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Việt Hà  
Tổng Giám đốc

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng của Toyota, Ford, GM, Suzuki, Hyundai, SYM, Yamaha; kinh doanh trang sức, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ bar và khách sạn;
- Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự và khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 11 công ty con và 4 công ty liên kết (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 12 công ty con và 4 công ty liên kết) như được đề cập trong Thuyết minh số 7(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 80 nhân viên (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 85 nhân viên).



## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định trước đây về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006-QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho niên độ kế toán bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, nếu có, được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ sau đây.

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(a)).

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thông tư cũng thể hiện những thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ. Số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh số 39 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

#### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

##### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (các khoản phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

##### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(c) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### **(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

##### **(iii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### **(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho bao gồm các dự án khu dân cư.

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với bất động sản và bình quân gia quyền đối với các khoản mục khác và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm quyền sử dụng đất và chi phí phát triển đất.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa                | 6 – 42 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm      |

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

**(h) Bất động sản đầu tư**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) Khấu hao**

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 18 – 50 năm
- nhà cửa 5 – 36 năm

#### **(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Các dự án đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho. Tài sản cố định, bất động sản đầu tư và hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Sau đó, chúng được ghi nhận theo các chính sách kế toán được thể hiện trong các thuyết minh tương ứng.

Tất cả các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua và phát triển một dự án, chi phí phát sinh từ quyền sử dụng đất đi thuê, và tất cả chi phí vốn sau đó cho việc phát triển đủ điều kiện là chi phí mua được vốn hóa.

Chi phí vay được vốn hóa nếu liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất một tài sản đủ điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí vay bắt đầu khi các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị tài sản đang được tiến hành và các chi phí cho việc đầu tư xây dựng và chi phí vay bắt đầu phát sinh. Việc vốn hóa chi phí vay sẽ chấm dứt khi tài sản hầu như đã trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tỷ lệ vốn hóa được tính bằng cách tham chiếu đến lãi suất thực tế phải trả trên các khoản vay cho mục đích phát triển, hoặc phần của chi phí phát triển được tài trợ bởi khoản vay chung, được phân bổ dựa trên lãi suất trung bình.

#### **(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

#### **(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(I) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính riêng giữa niên độ và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.



## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

#### **(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng giữa niên độ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp cho thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

Theo Thông tư 200, quỹ dự phòng tài chính không còn được sử dụng. Số dư còn lại của quỹ dự phòng này được chuyển sang quỹ đầu tư và phát triển. Việc sử dụng các quỹ nêu trên phải được sự phê duyệt của các cổ đông.

**(p) Doanh thu**

**(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản**

Doanh thu chuyển nhượng nền đất và bán nhà theo mẫu thiết kế sẵn không theo yêu cầu riêng của từng khách hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

**(ii) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(iii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(q) Doanh thu hoạt động tài chính**

**(i) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(ii) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán**

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**(iii) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(s) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(u) Các bên liên quan**

Các cổ đông, doanh nghiệp và cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Báo cáo bộ phận**

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày:

	<b>Dịch vụ thương mại</b>		<b>Dịch vụ bất động sản</b>		<b>Dịch vụ tài chính</b>		<b>Tổng cộng</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bộ phận	6.480.901.316	6.649.118.960	43.910.451.411	97.920.614.038	-	-	50.391.352.727	104.569.732.998
Thu nhập khác của bộ phận	15.422.385.280	7.891.676.566	4.119.108.859	13.649.118.960	3.803.801.148	2.759.612.009	23.345.295.287	24.300.407.535
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	(1.501.667.756)	(1.331.606.365)	(23.964.840.849)	(69.352.302.301)	-	-	(25.466.508.605)	(70.683.908.666)
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	(6.946.822.785)	(6.259.369.528)	(11.436.415.959)	(28.588.418.176)	107.611.732	(869.719.908)	(18.275.627.012)	(35.717.507.612)
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh trong kỳ	13.454.796.055	6.949.819.633	12.628.303.462	13.629.012.521	3.911.412.880	1.889.892.101	29.994.512.397	22.468.724.255
Doanh thu không phân bổ							450.936.131	79.634.807
Chi phí không phân bổ							(5.198.688)	(924.498)
							30.440.249.840	22.547.434.564

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>Tài sản</b>								
Tài sản ngắn hạn	5.695.694.203	10.491.561.296	69.717.746.357	77.541.576.124	42.838.695.295	47.812.968.496	118.252.135.855	135.846.105.916
Tài sản dài hạn	312.908.311.881	224.329.657.884	857.289.371.278	929.557.897.087	-	-	1.170.197.683.159	1.153.887.554.971
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	2.583.611.568	2.583.611.568
	<b>318.604.006.084</b>	<b>234.821.219.180</b>	<b>927.007.117.635</b>	<b>1.007.099.473.211</b>	<b>42.838.695.295</b>	<b>47.812.968.496</b>	<b>1.291.033.430.582</b>	<b>1.292.317.272.455</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
Nợ ngắn hạn	16.906.312.275	13.458.441.370	465.626.983.945	336.827.745.732	2.352.784.742	13.763.891.686	484.886.080.962	364.050.078.788
Nợ dài hạn	-	88.771.154.941	147.917.247.843	172.419.410.876	-	4.306.134.386	147.917.247.843	265.496.700.203
	<b>16.906.312.275</b>	<b>102.229.596.311</b>	<b>613.544.231.788</b>	<b>509.247.156.608</b>	<b>2.352.784.742</b>	<b>18.070.026.072</b>	<b>632.803.328.805</b>	<b>629.546.778.991</b>
Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày :								
	30/6/2015 VND	30/06/2014 VND	30/6/2015 VND	30/06/2014 VND	30/6/2015 VND	30/06/2014 VND	30/6/2015 VND	30/06/2014 VND
Khấu hao và phân bổ	749.907.147	773.574.602	3.052.955.662	3.199.455.131	-	-	3.802.862.809	3.973.029.733
Các khoản dự phòng	-	-	-	-	421.315.238	(901.399.610)	421.315.238	(901.399.610)
Chi tiêu vốn	153.619.309	1.279.870.718	28.448.207.318	11.601.884.441	-	-	28.601.826.627	12.881.755.159

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.584.533.122	1.398.360.494
Tiền gửi ngân hàng	4.031.601.322	5.872.351.736
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	39.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	35.616.134.444	46.270.712.230
	<hr/>	<hr/>

## Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 7. Các khoản đầu tư tài chính

#### (a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2015				1/1/2015			
	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn vào:								
Cổ phiếu niêm yết								
• Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bến Thành	128.129	2.314.504.000	4.676.708.500	-	182.129	3.289.960.000	6.920.902.000	-
• Công ty Cổ phần Việt Thái	650.760	8.042.676.000	10.086.780.000	-	650.760	8.042.676.000	10.347.084.000	-
• Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiên Lên	579.530	4.653.520.490	3.593.086.000	(1.060.434.490)	289.530	2.683.020.490	2.576.817.000	(106.203.490)
Cổ phiếu chưa niêm yết								
• Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương	500.000	14.000.000.000	5.000.000.000	(9.000.000.000)	500.000	14.000.000.000	5.000.000.000	(9.000.000.000)
• Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước	90.000	9.000.000.000	9.000.000.000	-	90.000	9.000.000.000	9.000.000.000	-
• Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000	1.260.000.000	(5.040.000.000)	180.000	6.300.000.000	1.260.000.000	(5.040.000.000)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Tổng hợp Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh	1.350.000	13.500.000.000	13.500.000.000	-	1.350.000	13.500.000.000	13.500.000.000	-
• Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải	-	-	-	-	691.126	6.772.500.000	5.135.623.136	(1.636.876.864)
		<u>57.810.700.490</u>		<u>(15.100.434.490)</u>		<u>63.588.156.490</u>		<u>(15.783.080.354)</u>



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	15.783.080.354	19.280.834.639
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(1,350,000,000)
Hoàn nhập	(682.645.864)	(451,417,775)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	15.100.434.490	17.479.416.864

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Ngày 30 tháng 6 năm 2015	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Đầu tư vốn vào:</b>					
<b>Các công ty con</b>					
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (trước đây là Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô) (SAIGON FORD)	52,05%	52,05%	33.312.000.000	(*)	-
• Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	51%	51%	9.248.504.000	(*)	-
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	88,12%	88,12%	7.102.684.814	(*)	-
• Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	55%	55%	8.250.050.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	70%	70%	56.000.000.000	(*)	-
• Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	51%	51%	25.309.668.000	(*)	-
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Savico-Mekong	51%	51%	1.530.000.000	(*)	(1.530.000.000)
• Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	70%	70%	21.000.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần OtoS (**)	77,07%	77,07%	5.317.600.000	(*)	(2.253.753.036)
• Công ty Cổ phần Đà Nẵng Sơn Trà	98%	98%	82.320.000.000	(*)	(860.238.525)
• Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	84,17%	84,17%	10.100.000.000	(*)	(710.127.797)
			259.490.506.814		(5.354.119.358)

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 30 tháng 6 năm 2015	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Các công ty liên kết</b>					
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	37,33%	37,33%	560.000.000	(*)	(427.373.896)
• Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	40,03%	40,03%	31.750.000.000	(*)	(1.546.240.226)
• Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	35,16%	35,16%	16.798.709.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	27,50%	27,50%	8.250.000.000	(*)	(1.040.622.491)
			57.358.709.000		(3.014.236.613)
<b>Các khoản đầu tư khác</b>					
• Công ty TNHH SAVICO – VINALAND			82.850.000.000	(*)	(3.372.547.962)
• Các khoản đầu tư dài hạn khác			7.800.000.000	(*)	(1.964.340.338)
			90.650.000.000		(5.336.888.300)
			407.499.215.814		(13.705.244.271)

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND Phân loại lại	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND Phân loại lại
<b>Đầu tư vốn vào:</b>					
<b>Các công ty con</b>					
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (trước đây là Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô) (SAIGON FORD)	52,05%	52,05%	33.312.000.000	(*)	-
• Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	51%	51%	9.248.504.000	(*)	-
• Công ty TNHH Đông Đô Thành (***)	55%	55%	4.400.000.000	(*)	(1.372.859.971)
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	88,12%	88,12%	7.102.684.814	(*)	-
• Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	55%	55%	8.250.050.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	70%	70%	56.000.000.000	(*)	(3.108.322.924)
• Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	51%	51%	25.309.668.000	(*)	-
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Savico-Mekong	51%	51%	1.530.000.000	(*)	(1.530.000.000)
• Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	70%	70%	21.000.000.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần OtoS	77,07%	77,07%	2.312.000.000	(*)	(916.111.090)
• Công ty Cổ phần Đà Nẵng Sơn Trà	98%	98%	82.320.000.000	(*)	(352.790.686)
• Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	84,17%	84,17%	10.100.000.000	(*)	(452.450.698)
			260.884.906.814		(7.732.535.369)

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND Phân loại lại	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND Phân loại lại
<b>Các công ty liên kết</b>					
• Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	37,33%	37,33%	560.000.000	(*)	(427.373.896)
• Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	40,03%	40,03%	31.750.000.000	(*)	(1.068.825.942)
• Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	35,16%	35,16%	16.798.709.000	(*)	-
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	33,11%	27,50%	8.250.000.000	(*)	-
			57.358.709.000		(1.496.199.838)
<b>Đầu tư khác</b>					
• Công ty TNHH SAVICO – VINALAND			82.850.000.000	(*)	(3.372.547.962)
			401.093.615.814		(12.601.283.169)

(\*) Tại ngày báo cáo tài chính, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(\*\*) Vào ngày 16 tháng 4 năm 2015, Công ty đã góp thêm 3.005 triệu VND vào vốn góp của Công ty Cổ phần OtoS.

(\*\*\*) Vào ngày 26 tháng 3 năm 2015, Công ty đã thanh lý một công ty con – Công ty TNHH Đông Đô Thành. Công ty đã ký một thỏa thuận chuyển nhượng vốn với Ông Lê Chiến Thắng (Tổng Giám đốc của công ty con này), theo đó Công ty chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ phần vốn góp của Công ty trong Công ty TNHH Đông Đô Thành cho Ông Lê Chiến Thắng kể từ ngày 26 tháng 3 năm 2015. Lãi phát sinh từ việc thanh lý này là 990 triệu VND.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết như sau:

	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>Tổng cộng nợ phải trả</b>	<b>Tổng cộng vốn chủ sở hữu</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế</b>
	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND</b>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	187.885.642	-	187.885.642	-
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	83.606.100.994	8.130.783.700	75.475.317.294	(1.131.258.226)
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	372.128.954.345	223.384.298.422	148.744.655.923	19.506.712.666
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	73.155.633.446	47.088.392.794	26.067.240.652	(3.580.689.859)
	<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>Tổng cộng nợ phải trả</b>	<b>Tổng cộng vốn chủ sở hữu</b>	<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế</b>
	<b>1/1/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014 VND</b>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	187.885.642	-	187.885.642	(2.346.236.484)
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	85.898.446.146	9.253.491.173	76.644.954.973	(1.390.548.893)
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	363.349.307.806	227.742.194.090	135.607.113.716	15.476.112.938
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	39.365.661.078	14.632.971.369	24.732.689.709	-

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	12.601.283.169	23.260.250.320
Tăng dự phòng trong kỳ	1.103.961.102	-
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(2.483.050.436)
Hoàn nhập	-	(449.981.835)
Số dư cuối kỳ	13.705.244.271	20.327.218.049

**8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý Bất động sản Hoàng Gia	1.030.803.840	480.000.000
Khách hàng cá nhân của Dự án Nam Cẩm Lệ, Đà Nẵng liên quan đến doanh thu bán bất động sản	1.025.000.000	1.025.000.000
Khách hàng thuê nhà kho	583.226.196	642.312.459
Các khách hàng khác	515.628.894	1.017.268.034
	3.154.658.930	3.164.580.493

## Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 9. Phải thu khác

#### (a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Cổ tức phải thu	-	190.000.000
Các khoản chi hộ	1.101.603.283	1.101.603.283
Góp vốn hộ các nhà đầu tư khác vào một công ty con	1.680.000.000	1.680.000.000
Tạm ứng cho người lao động	1.856.000.000	1.708.500.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.270.274.407	10.619.712.582
	<hr/>	<hr/>
	9.907.877.690	15.299.815.865

#### (b) Các khoản phải thu dài hạn khác

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Phân loại lại
Phải thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh	113.386.376.112	113.386.376.112
Đặt cọc dài hạn	1.120.500.000	1.120.500.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	4.345.621.247	4.345.621.247
	<hr/>	<hr/>
	118.852.497.359	118.852.497.359

### 10. Hàng tồn kho

	30/6/2015 Giá trị ghi sổ VND	1/1/2015 Giá trị ghi sổ VND
Vật liệu	10.081.123	11.906.895
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.504.177.081	20.701.466.291
Hàng hóa	56.121.191	61.622.706
	<hr/>	<hr/>
	22.570.379.395	20.774.995.892

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 không có hàng tồn kho (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 16.752 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	5.301.829.558	2.637.468.847	3.562.598.656	11.501.897.061
Tăng trong kỳ	-	153.619.309	-	153.619.309
Số dư cuối kỳ	5.301.829.558	2.791.088.156	3.562.598.656	11.655.516.370
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	3.711.246.881	2.353.295.377	2.378.230.772	8.442.773.030
Khấu hao trong kỳ	100.891.044	88.406.761	167.671.622	356.969.427
Số dư cuối kỳ	3.812.137.925	2.441.702.138	2.545.902.394	8.799.742.457
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	1.590.582.677	284.173.470	1.184.367.884	3.059.124.031
Số dư cuối kỳ	1.489.691.633	349.386.018	1.016.696.262	2.855.773.913

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 4.906 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 3.605 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 1.262 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 1.327 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định VND</b>	<b>Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	14.634.054.300	39.301.087.509	435.870.000	54.371.011.809
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	-	4.139.152.106	435.870.000	4.575.022.106
Khấu hao trong kỳ	-	392.937.720	-	392.937.720
Số dư cuối kỳ	-	4.532.089.826	435.870.000	4.967.959.826
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	14.634.054.300	35.161.935.403	-	49.795.989.703
Số dư cuối kỳ	14.634.054.300	34.768.997.683	-	49.403.051.983

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 436 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 436 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 27.579 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 27.899 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Bất động sản đầu tư**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	133.201.140.041	92.187.643.058	225.388.783.099
Tăng trong kỳ	-	15.705.960.000	15.705.960.000
Chuyển sang hàng tồn kho	-	(22.589.123.370)	(22.589.123.370)
Phân loại lại	(7.187.537.591)	7.187.537.591	-
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	126.013.602.450	92.492.017.279	218.505.619.729
<hr/>			
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	18.501.166.485	34.221.959.089	52.723.125.574
Khấu hao trong kỳ	698.313.240	2.354.642.422	3.052.955.662
Chuyển sang hàng tồn kho	-	(11.159.989.978)	(11.159.989.978)
Phân loại lại	(10.542.127.563)	10.542.127.563	-
<hr/>			
Số dư cuối kỳ	8.657.352.162	35.958.739.096	44.616.091.258
<hr/>			
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	114.699.973.556	57.965.683.969	172.665.657.525
Số dư cuối kỳ	117.356.250.288	56.533.278.183	173.889.528.471

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm các tòa nhà và quyền sử dụng đất cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá là 19.702 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 12.746 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 106.304 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 100.689 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

## Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### 14. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	344.021.953.708	616.786.347.775
Tăng trong kỳ	13.380.906.182	17.772.089.215
Chuyển sang hàng tồn kho	-	(54.937.874.444)
Chuyển sang đầu tư vốn dài hạn vào các công ty con	-	(7.210.777.847)
Số dư cuối kỳ	357.402.859.890	572.409.784.699

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Dự án Quốc lộ 13	212.726.087.057	205.001.515.814
Dự án Nam Cẩm Lệ, Đà Nẵng	75.654.574.661	74.563.358.488
Dự án 104 Phở Quang	37.968.667.397	34.878.168.629
Dự án Cao ốc văn phòng 277 – 279 Lý Tự Trọng	19.681.738.935	18.228.025.937
Dự án 66 – 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	11.130.473.757	11.110.328.757
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	241.318.083	240.556.083
	357.402.859.890	344.021.953.708

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 75.655 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 42.864 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 638 triệu VND (2014: 6.170 triệu VND).

## Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 15. Các khoản phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Tân Kỳ	1.355.770.408	1.355.770.408	1.595.754.997	1.595.754.997
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	-	-	3.089.296.392	3.089.296.392
Các nhà cung cấp khác	1.342.801.257	1.342.801.257	2.113.862.988	2.113.862.988
	2.698.571.665	2.698.571.665	6.798.914.377	6.798.914.377

### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Trong người mua trả tiền trước ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có khoản trả trước 50.000 triệu VND từ một khách hàng để mua quyền sử dụng đất thuộc Dự án Quốc lộ 13, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	30/6/2015 VND
<b>Thuế</b>				
Thuế giá trị gia tăng	579.584.291	3.510.572.839	(2.458.432.614)	1.631.724.516
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.286.322.822	3.289.643.599	(1.817.067.950)	2.758.898.471
Thuế thu nhập cá nhân	2.726.866.757	806.384.616	(2.781.204.184)	752.047.189
<b>Các khoản phải nộp khác</b>				
Thuê đất	-	4.173.649.768	(3.733.298.388)	440.351.380
Các khoản phải nộp khác	8.111.143.325	14.000.000	(2.359.580.666)	5.765.562.659
	12.703.917.195	11.794.250.822	(13.149.583.802)	11.348.584.215

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	9.153.000.000	8.654.500.000
Phí thuê	809.014.588	203.143.228
Lãi vay	-	25.251.881
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	72.143.881	591.038.000
	10.034.158.469	9.473.933.109
	10.034.158.469	9.473.933.109

**19. Doanh thu chưa thực hiện**

**(a) Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Phân loại lại</b>
Doanh thu cho thuê tòa nhà nhận trước	498.060.606	173.350.000
Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	1.220.000.004	1.220.000.004
	1.718.060.610	1.393.350.004
	1.718.060.610	1.393.350.004

**(b) Doanh thu chưa thực hiện – dài hạn**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Phân loại lại</b>
Doanh thu cho thuê tòa nhà nhận trước	52.663.333.306	53.273.333.308
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(1.220.000.004)	(1.220.000.004)
	51.443.333.302	52.053.333.304
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	51.443.333.302	52.053.333.304
	51.443.333.302	52.053.333.304

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Phải trả khác**

**(a) Phải trả khác – ngắn hạn**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	30.128.877.045	158.268.645
Vay từ một bên liên quan (a)	1.338.457.124	9.566.755.744
Phải trả một bên liên quan (b)	25.840.523.466	25.000.000.000
Phải trả đối tác của một hợp đồng hợp tác kinh doanh (c)	5.705.960.000	-
Phải trả Vinaland Investments Limited (d)	130.323.934.900	130.323.934.900
Phải trả đối tác của một dự án bất động sản (e)	44.394.910.797	40.235.200.000
Phải trả liên quan đến việc thoái vốn cho một đối tác trong Dự án Quốc lộ 13	25.098.400.000	-
Phải trả một khách hàng	5.856.400.000	5.856.400.000
Góp vốn nhận được từ các khách hàng của Dự án Dân cư Tam Bình	66.556.493.338	59.101.838.270
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.235.901.205	4.057.651.183
	338.479.857.875	274.300.048.742
	338.479.857.875	274.300.048.742

- a. Trong khoản vay từ một bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có 686 triệu VND chịu lãi suất 6% (2014: lãi suất 5.15%) một năm và 652 triệu VND là tiền lãi phải trả của khoản vay này. Khoản vay này phải trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân.
- b. Phải trả một bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện khoản trả trước từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (trước đây là Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô), một công ty con, theo Thỏa thuận Hợp tác ký ngày 1 tháng 11 năm 2014 về Dự án 104 Phố Quang.
- c. Phải trả đối tác của một hợp đồng hợp tác kinh doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện khoản góp thêm phải trả vào Dự án 91 Pasteur.
- d. Phải trả Vinaland Investments Limited tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện khoản trả trước từ đối tác này theo Thỏa thuận Chuyển nhượng vốn ngày 20 tháng 11 năm 2014 về việc góp vốn của Công ty vào Công ty TNHH SAVICO-VINALAND.
- e. Phải trả một bên của một dự án bất động sản thể hiện khoản trả trước từ đối tác này theo Thỏa thuận Hợp tác ngày 10 tháng 7 năm 2014 về một dự án khác tại 104 Phố Quang.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả khác – dài hạn**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản nhận đặt cọc dài hạn	11.291.325.850	13.241.925.850
Các khoản phải trả dài hạn khác (*)	73.444.338.801	104.855.544.659
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	84.735.664.651	118.097.470.509
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(\*) Các khoản phải trả dài hạn khác, không chịu lãi, thể hiện số tiền nhận được từ các đối tác của các hợp đồng hợp tác kinh doanh tham gia vào các dự án bất động sản của Công ty như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự án Bình An	24.239.513.834	22.042.917.434
Dự án Quốc lộ 13	-	25.098.400.000
Dự án Cao ốc Văn phòng 227-229 Lý Tự Trọng	49.204.824.967	47.714.227.225
Dự án 104 Phố Quang	-	10.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	73.444.338.801	104.855.544.659
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2015		Biến động trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	10.213.682.970	10.213.682.970	581.574.640	10.213.682.970	581.574.640	581.574.640
Vay dài hạn đến hạn trả	7.909.736.000	7.909.736.000	33.954.868.000	3.954.868.000	37.909.736.000	37.909.736.000
	18.123.418.970	18.123.418.970	34.536.442.640	14.168.550.970	38.491.310.640	38.491.310.640

Các khoản vay ngắn hạn được thế chấp bằng bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 47.967 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2015: 33.419 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)	VND	7,5%	-	1.380.480.248
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	7,0%	581.574.640	8.833.202.722
			<hr/>	
			581.574.640	10.213.682.970
			<hr/>	

**(b) Vay dài hạn**

	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Vay dài hạn	49.647.985.890	103.255.632.390
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(37.909.736.000)	(7.909.736.000)
		<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	11.738.249.890	95.345.896.390
		<hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	VND	9,6%	2016	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	VND	9,6%	2017	12.938.000.000	15.550.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank)	VND	9,0%	2017	6.709.985.890	8.052.853.890
Ngân hàng TNHH Indovina	VND	8,0%	2017	-	49.652.778.500
				<hr/>	<hr/>
				49.647.985.890	103.255.632.390
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(37.909.736.000)	(7.909.736.000)
				<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				11.738.249.890	95.345.896.390
				<hr/>	<hr/>

Các tài sản dưới đây được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty:

	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Hàng tồn kho	-	16.751.846.290
Tài sản cố định hữu hình	1.261.505.144	1.326.734.734
Tài sản cố định vô hình	27.579.244.196	27.899.312.792
Bất động sản đầu tư	58.338.019.843	67.270.160.609
Xây dựng cơ bản dở dang	75.654.574.661	42.863.999.648
	<hr/>	<hr/>
	162.833.343.844	156.112.054.073
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	4.977.913.102	3.254.665.193
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ	1.572.960.261	365.984.666
Sử dụng trong kỳ	(2.931.957.987)	(3.564.558.498)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.618.915.376	56.091.361

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Cổ phiếu quỹ VND</b>	<b>Quỹ đầu tư và phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	67.717.059.603	658.985.477.354
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	15.754.908.692	15.754.908.692
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(365.984.666)	(365.984.666)
Cổ tức	-	-	-	-	(29.970.608.400)	(29.970.608.400)
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(126.976.177)	(126.976.177)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014</b>	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	53.008.399.052	644.276.816.803
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	25.193.676.661	25.193.676.661
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.800.000.000)	(4.800.000.000)
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(1.900.000.000)	(1.900.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	71.502.075.713	662.770.493.464

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Cổ phiếu quỹ VND</b>	<b>Quỹ đầu tư và phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	249.955.730.000	317.064.858.303	(690.474.358)	24.938.303.806	71.502.075.713	662.770.493.464
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	27.150.606.241	27.150.606.241
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.572.960.261)	(1.572.960.261)
Cổ tức (Thuyết minh số 25)	-	-	-	-	(29.970.608.400)	(29.970.608.400)
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(147.429.267)	(147.429.267)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	<b>249.955.730.000</b>	<b>317.064.858.303</b>	<b>(690.474.358)</b>	<b>24.938.303.806</b>	<b>66.961.684.026</b>	<b>658.230.101.777</b>

## Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

## Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### 25. Cổ tức

Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 24 tháng 4 năm 2015 đã quyết định chia cổ tức của năm 2014 là 29.971 triệu VND, bằng 12% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức.

#### 26. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

#### 27. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Trong vòng một năm	6.106.638.360	6.068.138.360
Từ hai đến năm năm	24.771.553.440	26.001.553.440
Trên năm năm	2.097.163.250	3.540.482.430
	<hr/>	<hr/>
	32.975.355.050	35.610.174.230
	<hr/>	<hr/>



## Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Chuyển nhượng bất động sản	21.979.305.850	76.401.547.172
▪ Bán hàng hóa	1.924.828.501	1.941.407.259
▪ Cung cấp dịch vụ	4.556.072.815	4.754.431.881
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	21.931.145.561	21.519.066.866
	<hr/>	<hr/>
	50.391.352.727	104.616.453.178
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu	-	(46.720.180)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	50.391.352.727	104.569.732.998

## 29. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Giá trị còn lại của bất động sản đã chuyển nhượng	12.659.597.750	54.937.874.444
Hàng hóa đã bán	1.285.366.879	1.275.654.197
Dịch vụ đã cung cấp	8.468.588.314	11.270.924.894
Chi phí khấu hao của bất động sản đầu tư	3.052.955.662	3.199.455.131
	<hr/>	<hr/>
	25.466.508.605	70.683.908.666

## Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Cổ tức	15.489.503.814	11.878.206.000
Thu nhập lãi tiền gửi	1.122.753.835	238.013.009
Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán	2.021.930.000	191.750.000
Lãi từ thanh lý đầu tư vào một công ty con	990.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	70.000.000	18.688.000
Thu nhập lãi từ các khoản cho vay	3.651.107.638	4.973.750.526
	<hr/>	<hr/>
	23.345.295.287	17.300.407.535

### 31. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.042.132.936	6.972.899.755
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	-	85.125.000
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết	-	805.800.017
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	421.315.238	(901.399.610)
Chi phí kinh doanh chứng khoán	8.293.600	23.337.114
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	31.200.000	118.768.500
	<hr/>	<hr/>
	3.502.941.774	7.104.530.776

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Chi phí nhân công và nhân viên	5.690.817.668	6.367.394.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.454.639.576	2.058.660.207
Chi phí tiếp khách và hội nghị khách hàng	2.432.381.970	1.729.757.161
Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.465.915.541	1.398.489.864
	<hr/>	<hr/>
	12.043.754.755	11.554.301.285

**33. Thu nhập khác**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Bồi thường từ một đối tác do hủy hợp đồng	-	7.000.000.000
Các thu nhập khác	450.936.131	79.634.807
	<hr/>	<hr/>
	450.936.131	7.079.634.807

**34. Chi phí khác**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Nộp bổ sung ngân sách Nhà nước	-	16.559.298.905
Bồi thường trả cho một khách hàng do hủy hợp đồng	2.008.010.985	200.000.000
Các chi phí khác	5.198.688	924.498
	<hr/>	<hr/>
	2.013.209.673	16.760.223.403

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí mua bất động sản để chuyển nhượng	12.659.597.750	54.937.874.444
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	1.285.366.879	1.275.654.197
Chi phí nhân công và nhân viên	6.603.856.872	6.981.889.093
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.802.862.809	3.973.029.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.912.603.530	8.731.401.030
Các chi phí khác	3.966.895.018	6.637.738.100

**36. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	3.289.643.599	6.034.452.043
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	758.073.829
	3.289.643.599	6.792.525.872

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	30.440.249.840	22.547.434.564
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	6.696.854.965	4.960.435.604
Chi phí không được khấu trừ thuế	479.473	3.687.221.759
Thu nhập không chịu thuế	(3.407.690.839)	(2.613.205.320)
Dự phòng thừa trong những kỳ trước	-	758.073.829
	<b>3.289.643.599</b>	<b>6.792.525.872</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016 trở đi.

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **37. Các công cụ tài chính**

#### **(a) Quản lý rủi ro tài chính**

##### **(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

##### **(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

#### **(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Công ty.

## Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Phân loại lại
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	34.031.601.322	44.872.351.736
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và các khoản phải thu khác	(iii)	18.528.657.867	23.930.517.605
Phải thu về cho vay dài hạn	(iii)	74.000.000.000	77.000.000.000
		<hr/>	<hr/>
		126.560.259.189	145.802.869.341

#### (ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

#### (iii) Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay dài hạn và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục giao dịch. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay dài hạn và các khoản phải thu khác chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tuổi nợ của phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu về cho vay dài hạn và các khoản phải thu khác tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong hạn	90.963.256.223	99.166.710.802
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	146.830.028	137.451.500
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	1.418.571.616	1.626.355.303
	<hr/>	<hr/>
	92.528.657.867	100.930.517.605
	<hr/>	<hr/>

Không có khoản phải thu nào bị giảm giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**Ngày 30 tháng 6 năm 2015**

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>1 – 2 năm VND</b>	<b>2 – 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>
Vay ngắn hạn	38.491.310.640	40.672.923.248	40.672.923.248	-	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	341.178.429.540	341.199.469.795	341.199.469.795	-	-	-
Phải trả người lao động	21.945.160.966	21.945.160.966	21.945.160.966	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	10.034.158.469	10.034.158.469	10.034.158.469	-	-	-
Vay dài hạn	11.738.249.890	12.709.753.180	-	8.837.164.719	3.872.588.461	-
Phải trả dài hạn khác	84.735.664.651	84.735.664.651	-	35.530.839.684	-	49.204.824.967
	<b>508.122.974.156</b>	<b>511.297.130.309</b>	<b>413.851.712.478</b>	<b>44.368.004.403</b>	<b>3.872.588.461</b>	<b>49.204.824.967</b>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**Ngày 1 tháng 1 năm 2015**

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>1 – 2 năm VND</b>	<b>2 – 5 năm VND</b>	<b>Trên 5 năm VND</b>
Vay ngắn hạn	18.123.418.970	18.727.688.067	18.727.688.067	-	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	281.098.963.119	281.569.067.708	281.569.067.708	-	-	-
Phải trả người lao động	25.728.914.439	25.728.914.439	25.728.914.439	-	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	9.473.933.109	9.473.933.109	9.473.933.109	-	-	-
Vay dài hạn	95.345.896.390	108.410.418.473	-	40.725.679.205	67.684.739.268	-
Phải trả dài hạn khác	118.097.470.509	118.097.470.509	-	70.383.243.284	-	47.714.227.225
	<b>547.868.596.536</b>	<b>562.007.492.305</b>	<b>335.499.603.323</b>	<b>111.108.922.489</b>	<b>67.684.739.268</b>	<b>47.714.227.225</b>

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

## Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

#### (i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro hối đoái từ các giao dịch đầu tư bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

#### *Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng rủi ro hối đoái như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>USD</b>	<b>USD</b>
Phải trả dài hạn khác	-	(60.000)

---

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	<b>Tỷ giá tại ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
1 USD	21.780	21.380

---

Tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty, sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, là không đáng kể.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	39.000.000.000
<hr/>		
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	4.031.601.322	5.872.351.736
Phải thu ngắn hạn khác	1.700.000.000	8.150.000.000
Phải thu dài hạn khác	74.000.000.000	77.000.000.000
Vay ngắn hạn	(38.491.310.640)	(18.123.418.970)
Vay dài hạn	(11.738.249.890)	(95.345.896.390)
Phải trả ngắn hạn khác	(686.095.279)	(9.003.200.000)
<hr/>		
	28.815.945.513	(31.450.163.624)
<hr/>		

Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản không có ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**(iii) Các rủi ro thị trường khác**

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn sẵn sàng để bán do Công ty nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc của Công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban Tổng Giám đốc phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

**Các bên liên quan**

Công ty có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

**Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt**

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thành viên Hội đồng Quản trị	1.094.500.000	1.337.680.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	571.500.000	308.690.000
Thành viên Ban Kiểm soát	162.720.000	287.290.000
	<hr/>	<hr/>
	1.828.720.000	1.933.660.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác trong kỳ như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
			<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Công ty con	Cổ tức	412.502.500	412.502.500
		Tiền thuê tính cho công ty con	214.750.000	253.560.000
		Hoa hồng nhận từ công ty con	161.692.500	558.537.500
		Mua hàng hóa từ công ty con	1.342.918.179	4.825.618.175
		Cho công ty con vay	-	2.000.000.000
		Mua thiết bị từ công ty con	-	630.000.000
		Trả trước cho công ty con cho việc mua xe tải	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (trước đây là Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô) (SAIGON FORD)	Công ty con	Tiền thuê tính cho công ty con	2.273.560.560	2.439.840.000
		Chi phí tài chính khác	88.806.101	1.708.080.000
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Công ty con	Tiền thuê tính cho công ty con	610.000.002	610.000.002
		Cổ tức	5.195.097.456	3.265.530.000
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Công ty con	Cho công ty con vay	-	4.500.000.000
		Doanh thu tài chính khác	3.605.197.222	4.412.527.778
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Savico-Mekong	Công ty con	Doanh thu tài chính khác	33.468.750	139.767.361
Công ty Toyota Giải Phóng Liên Doanh (TGP)	Công ty con	Cổ tức	5.901.163.558	2.043.570.000

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
			<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng	Công ty con	Bán một bất động sản đầu tư cho công ty con	20.000.000.000	-
		Tiền thuê tính cho công ty con	276.637.500	1.400.000.000
		Tiền đặt cọc thuê nhận từ công ty con	-	460.000.000
Công ty Cổ phần Đà Nẵng Sơn Trà	Công ty con	Cho công ty con vay	350.000.000	-
		Doanh thu tài chính khác	2.858.333	-
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Công ty liên kết	Cổ tức	-	1.028.542.500
		Chi phí tài chính khác	-	12.750.000
		Cho công ty liên kết vay	-	10.000.000.000
		Mua tài sản cố định	-	1.129.090.909
Công ty Liên doanh ComfortDelgro Savico Taxi	Công ty liên kết	Tiền thuê tính cho công ty liên kết	-	1.051.800.000
		Chi phí điện thu từ công ty liên kết	-	389.392.491
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành Savico	Công ty liên kết	Hoa hồng nhận từ công ty liên kết	-	464.528.000
		Mua thiết bị	-	260.000.000

**39. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bất động sản đầu tư đã mua nhưng chưa thanh toán	5.705.960.000	-

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**40. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục trong báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ như sau:

	1/1/2015 VND (phân loại lại)	1/1/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Chứng khoán kinh doanh	63.588.156.490	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	63.588.156.490
Phải thu ngắn hạn khác	15.299.815.865	13.511.985.681
Tài sản ngắn hạn khác	-	1.787.830.184
Phải thu dài hạn khác	118.852.497.359	81.345.621.247
Tài sản dài hạn khác	-	1.120.500.000
Tài sản cố định	52.855.113.734	396.877.067.442
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	344.021.953.708	-
Phải thu về cho vay dài hạn	77.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	82.850.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	-	196.236.376.112
Doanh thu chưa thực hiện – ngắn hạn	1.393.350.004	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	52.053.333.304	53.446.683.308
Quỹ đầu tư và phát triển	24.938.303.806	12.469.151.903
Quỹ dự phòng tài chính	-	12.469.151.903

Ngày 14 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Ngô Văn Danh  
Kẻ toán trưởng

Người duyệt:



Việt Hà  
Tổng Giám đốc